

Lesson Overview

Conducting a successful negotiation



You will have a discussion with a representative from a partner company.

How do you conduct a successful negotiation?

Useful language

	Words and Expressions	Meaning
Starting the negotiation		
1	Hello [name], thank you for meeting with me today to discuss the potential partnership between our companies.	Xin chào [tên], cảm ơn bạn đã gặp tôi hôm nay để thảo luận về mối quan hệ hợp tác tiềm năng giữa công ty của chúng ta.
2	Hello [name], I appreciate the opportunity to explore this partnership as well. Let's start by outlining our respective goals.	Xin chào [tên], tôi cũng đánh giá cao cơ hội khám phá mối quan hệ hợp tác này. Hãy bắt đầu bằng cách phác thảo các mục tiêu của từng chúng ta.
Negotiating		
3	Absolutely. Our primary goal is to [objective 1]. In return, we can [objective 2]. How does that align with your goals?	Chắc chắn rồi. Mục tiêu chính của chúng tôi là [mục tiêu 1]. Đổi lại, chúng tôi có thể [mục tiêu 2]. Điều đó phù hợp với mục tiêu của bạn như thế nào?

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
4	That aligns well with our goals too. Now, let's talk about the financial aspects. What level of investment are you prepared to make, and how do you envision sharing the costs and profits?	Điều đó cũng phù hợp với mục tiêu của chúng tôi. Bây giờ hãy nói về khía cạnh tài chính. Bạn chuẩn bị thực hiện mức đầu tư và bạn hình dung việc chia sẻ chi phí và lợi nhuận như thế nào?
5	[proposal 2].	[đề xuất 2].
6	expand our market presence by utilizing your strong distribution network	mở rộng sự hiện diện trên thị trường của chúng tôi bằng cách sử dụng mạng lưới phân phối mạnh mẽ của bạn
7	offer our cutting-edge technology to enhance your product line	cung cấp công nghệ tiên tiến của chúng tôi để nâng cao dòng sản phẩm của bạn
8	enhance our customer service by leveraging your extensive customer support expertise	nâng cao dịch vụ khách hàng của chúng tôi bằng cách tận dụng chuyên môn hỗ trợ khách hàng sâu rộng của bạn
9	provide advanced automation technology to streamline your operations.	cung cấp công nghệ tự động hóa tiên tiến để hợp lý hóa hoạt động của công ty bạn.
10	enhance our software offerings by utilizing your expertise in user interface design	nâng cao dịch vụ phần mềm của chúng tôi bằng cách sử dụng chuyên môn của bạn trong thiết kế giao diện người dùng
11	provide our software development resources to accelerate your product development	cung cấp tài nguyên phát triển phần mềm của chúng tôi để đẩy nhanh quá trình phát triển sản phẩm của bạn

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
12	We're willing to invest \$2 million upfront for marketing, product development, and integration.	Chúng tôi sẵn sàng đầu tư trước 2 triệu USD cho hoạt động tiếp thị, phát triển sản phẩm và tích hợp.
13	In terms of cost-sharing, we propose a 50-50 split on project-related expenses.	Về mặt chia sẻ chi phí, chúng tôi đề xuất chia 50-50 cho các chi phí liên quan đến dự án.
14	We're willing to invest \$1.5 million upfront for technology development and integration.	Chúng tôi sẵn sàng đầu tư trước 1,5 triệu USD để phát triển và tích hợp công nghệ.
15	In terms of cost-sharing, we propose a 60-40 split on project-related expenses, with our company covering the larger share.	Về mặt chia sẻ chi phí, chúng tôi đề xuất chia 60-40 cho các chi phí liên quan đến dự án, trong đó công ty chúng tôi sẽ chi trả phần lớn hơn.
16	We're willing to invest \$2.5 million upfront for software development, quality assurance, and integration.	Chúng tôi sẵn sàng đầu tư trước 2,5 triệu USD để phát triển phần mềm, đảm bảo chất lượng và tích hợp.
17	In terms of cost-sharing, we propose a 60-40 split on project-related expenses, with our company covering the larger share.	Về mặt chia sẻ chi phí, chúng tôi đề xuất chia 60-40 cho các chi phí liên quan đến dự án, trong đó công ty chúng tôi sẽ chi trả phần lớn hơn.
18	Those terms seem reasonable to us. Now, let's discuss the timeline. When are you looking to initiate this partnership, and what's the anticipated duration?	Những điều khoản đó có vẻ hợp lý với chúng tôi. Bây giờ chúng ta hãy thảo luận về dòng thời gian. Khi nào bạn muốn bắt đầu mối quan hệ hợp tác này và thời gian dự kiến là bao lâu?

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
19	We'd like to start within the next [timeline 1]. As for the partnership duration, we're thinking of an initial term of [timeline 2].	Chúng tôi muốn bắt đầu trong [dòng thời gian 1] tiếp theo. Về thời hạn hợp tác, chúng tôi đang nghĩ đến thời hạn ban đầu là [dòng thời gian 2].
20	We're willing to invest \$2 million upfront for marketing, product development, and integration. In terms of cost-sharing, we propose a 50-50 split on project-related expenses.	Chúng tôi sẵn sàng đầu tư trước 2 triệu USD cho hoạt động tiếp thị, phát triển sản phẩm và tích hợp. Về mặt chia sẻ chi phí, chúng tôi đề xuất chia 50-50 cho các chi phí liên quan đến dự án.
21	We're willing to invest \$1.5 million upfront for technology development and integration. In terms of cost-sharing, we propose a 60-40 split on project-related expenses, with our company covering the larger share.	Chúng tôi sẵn sàng đầu tư trước 1,5 triệu USD để phát triển và tích hợp công nghệ. Về mặt chia sẻ chi phí, chúng tôi đề xuất chia 60-40 cho các chi phí liên quan đến dự án, trong đó công ty chúng tôi sẽ chi trả phần lớn hơn.
22	We're willing to invest \$2.5 million upfront for software development, quality assurance, and integration. In terms of cost-sharing, we propose a 60-40 split on project-related expenses, with our company covering the larger share.	Chúng tôi sẵn sàng đầu tư trước 2,5 triệu USD để phát triển phần mềm, đảm bảo chất lượng và tích hợp. Về mặt chia sẻ chi phí, chúng tôi đề xuất chia 60-40 cho các chi phí liên quan đến dự án, trong đó công ty chúng tôi sẽ chi trả phần lớn hơn.
23	Those terms seem reasonable to us. Now, let's discuss the timeline. When are you looking to initiate this partnership, and what's the anticipated duration?	Những điều khoản đó có vẻ hợp lý với chúng tôi. Bây giờ chúng ta hãy thảo luận về dòng thời gian. Khi nào bạn muốn bắt đầu mối quan hệ hợp tác này và thời gian dự kiến là bao lâu?

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
24	We'd like to start within the next [timeline 1]. As for the partnership duration, we're thinking of an initial term of [timeline 2].	Chúng tôi muốn bắt đầu trong [dòng thời gian 1] tiếp theo. Về thời hạn hợp tác, chúng tôi đang nghĩ đến thời hạn ban đầu là [dòng thời gian 2].
25	That timeline is a bit tight for us. We were initially thinking of a term of [timeline 3] to allow for a more gradual development. Would you be open to extending the initial term to [timeline 3]?	Dòng thời gian đó hơi chặt chẽ đối với chúng tôi. Ban đầu chúng tôi nghĩ đến giai đoạn [dòng thời gian 3] để cho phép phát triển dần dần. Bạn có sẵn sàng kéo dài thời hạn ban đầu sang [dòng thời gian 3] không?
26	I understand your preference for a longer initial term, but a term of [timeline 2] is important for us to align with our strategic planning. However, we can agree to revisit the term and discuss an extension after [timeline 4] of successful collaboration if both parties are in agreement.	Tôi hiểu mong muốn của bạn về thời hạn ban đầu dài hơn, nhưng thời hạn [dòng thời gian 2] rất quan trọng để chúng tôi điều chỉnh phù hợp với kế hoạch chiến lược của mình. Tuy nhiên, chúng ta có thể đồng ý xem lại thời hạn và thảo luận về việc gia hạn sau [mốc thời gian 4] hợp tác thành công nếu cả hai bên đều đồng ý.
27	That's a reasonable compromise. Let's proceed with that timeline. We appreciate your flexibility in this matter.	Đó là một sự thỏa hiệp hợp lý. Hãy tiếp tục với dòng thời gian đó. Chúng tôi đánh giá cao sự linh hoạt của bạn trong vấn đề này.
Ending the negotiation		
28	Thank you, [name]. We'll proceed with our legal teams to draft a formal partnership agreement based on these terms. I'm excited about the potential of this collaboration.	Cảm ơn bạn, [tên]. Chúng tôi sẽ cùng nhóm pháp lý của mình soạn thảo thỏa thuận hợp tác chính thức dựa trên các điều khoản này. Tôi rất vui mừng về tiềm năng của sự hợp tác này.

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
29	I'll have our legal team review the agreement as well. Thank you for your time today, and I look forward to a successful partnership.	Tôi cũng sẽ yêu cầu nhóm pháp lý của chúng tôi xem xét thỏa thuận. Cảm ơn bạn đã dành thời gian hôm nay và tôi mong muốn có một sự hợp tác thành công.